

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 423/2000/QĐ-NHNN1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH

Của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 423/2000/QĐ-NHNN1

ngày 22 tháng 9 năm 2000 về Chính sách tín dụng

Ngân hàng đối với kinh tế trang trại

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ chính sách tiền tệ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Đối tượng quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng

Đối tượng quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng là hộ nông dân, hộ công nhân viên Nhà nước và lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu, các loại hộ thành thị và cá nhân chuyên sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản hoặc sản xuất nông nghiệp là chính, có kiêm nhiệm các hoạt động dịch vụ phi nông nghiệp ở nông thôn được xác định theo quy định tại Thông tư liên tịch số 69/2000/LTLT-BNN-TCTK ngày 23/6/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Thống kê hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại.

Điều 2. Cơ chế tín dụng áp dụng đối với chủ trang trại

1. Các Ngân hàng thương mại Nhà nước và tổ chức tín dụng khác cho vay vốn tín dụng thương mại đối với đối tượng quan hệ tín dụng theo chính sách, cơ chế tín dụng hiện hành của Nhà nước tại các văn bản: Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn; Quyết định số 148/1999/QĐ-TTg ngày 07/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung điểm b, Khoản 3, Mục II Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 và văn bản hướng dẫn các Quyết định này của Ngân hàng Nhà nước, Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 284/2000/QĐ-NHNN1 ngày 25/8/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng và Thông tư số 06/2000/TT-NHNN1 ngày 04/4/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn Nghị định này, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

2. Ngoài việc cho vay vốn theo quy định tại Quyết định này, các tổ chức tín dụng cấp tín dụng cho chủ trang trại dưới hình thức bảo lãnh, cho thuê tài chính, chiết khấu giấy tờ có giá ngắn hạn và các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Nguồn vốn cho vay

Căn cứ nhu cầu vay vốn của các chủ trang trại, các tổ chức tín dụng thực hiện các giải pháp huy động vốn ở trong nước, tranh thủ nguồn vốn tài trợ của nước ngoài để đáp ứng nhu cầu vay vốn của các chủ trang trại. Trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn tạm thời về vốn, Ngân hàng Nhà nước xem xét cho vay tái cấp vốn.

Điều 4. Đối tượng cho vay

Đối tượng cho vay đối với các dự án đầu tư, nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống của các chủ trang trại được thực hiện theo cơ chế cho vay hiện hành, nhưng chú trọng các đối tượng sau đây:

1. Chi phí đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các trang trại sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản có tỷ suất hàng hoá cao, các trang trại trồng trọt, chăn

nuôi kết hợp với chế biến, có khả năng tiêu thụ được sản phẩm ở thị trường trong nước và xuất khẩu;

2. Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường giao thông, cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường) đối với các trang trại, cơ sở hạ tầng trong vùng quy hoạch kinh tế trang trại và nhu cầu phục vụ đời sống, nếu xét thấy có hiệu quả và có nguồn trả được nợ vay.

Điều 5. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay đối với chủ trang trại thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Các Ngân hàng thương mại Nhà nước thực hiện ưu đãi lãi suất cho vay đối với các trường hợp:

- Các trang trại ở khu vực III miền núi, hải đảo, vùng đồng bào Khơ me sống tập trung được giảm 30% lãi suất cho vay so với lãi suất cho vay thông thường của các tổ chức tín dụng;

- Các trang trại ở khu vực II miền núi được giảm 15% lãi suất cho vay so với lãi suất cho vay thông thường của các tổ chức tín dụng.

3. Đối với các chủ trang trại sản xuất hàng xuất khẩu, có tín nhiệm với tổ chức tín dụng trong việc sử dụng vốn vay và trả nợ đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi, các tổ chức tín dụng thực hiện việc ưu đãi về lãi suất theo chính sách khách hàng của mình.

Điều 6. Thời hạn cho vay

Các tổ chức tín dụng xác định và thoả thuận thời hạn cho vay ngắn hạn (đến 12 tháng), trung hạn (từ trên 12 tháng đến 60 tháng), dài hạn (từ trên 60 tháng trở lên) phù hợp với thời gian sinh trưởng, thu hoạch, tiêu thụ sản phẩm của cây trồng, vật nuôi, thời hạn khấu hao tài sản cố định, thời hạn thuê và khả năng trả nợ của chủ trang trại; đối với khoản cho vay trung hạn, dài hạn phải thoả thuận thời gian ân hạn phù hợp với thời hạn thi công, xây dựng cơ bản của từng công trình, dự án đầu tư.

Điều 7. Bảo đảm tiền vay